

Số: 81 /BC-UBND

Minh Long, ngày 19 tháng 5 năm 2014

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2014

Thực hiện Công văn số 1774/UBND-KTTH ngày 09/5/2014 của UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2014, UBND huyện báo cáo.

I. Tình hình thực hiện kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2014

1. Lĩnh vực kinh tế (theo giá hiện hành):

Tổng giá trị sản xuất các ngành trọng yếu trong 6 tháng đầu năm 2014 đạt 261.478,1 triệu đồng, tăng 13,48% so với cùng kỳ năm trước và đạt 52,92% kế hoạch năm. Trong đó:

- Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp ước đạt 98,930,6 triệu đồng tăng 20,84% so với cùng kỳ năm trước, đạt 56,44% kế hoạch năm.

- Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 75.978,5 triệu đồng, tăng 9,84% so với cùng kỳ năm trước, đạt 52,61% kế hoạch năm.

- Giá trị sản xuất thương mại dịch vụ ước đạt 86.569 triệu đồng, tăng 8,25% so với cùng kỳ năm trước, đạt 49,26% kế hoạch năm.

*** Cơ cấu kinh tế:**

- Nông - lâm - ngư chiếm 40,29%.

- Công nghiệp - xây dựng chiếm 28,13%.

- Thương mại - dịch vụ chiếm 31,58%.

1.1. Về Nông - lâm - ngư nghiệp và khuyến nông:

1.1.1. Về nông nghiệp:

*** Trồng trọt:**

Bước vào Sản xuất vụ Đông xuân 2012-2013 thời tiết diễn biến khá phức tạp (rét lạnh kéo dài), một số diện tích ruộng bị sa bồi thủy phá do mưa lũ gây ra không có khả năng phục hồi, tình hình sâu bệnh, chuột gây hại xảy ra phát sinh cục bộ ở một số điểm làm ảnh hưởng diện tích, cũng như sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Tuy nhiên được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của các cấp, các ngành trong huyện, sự nỗ lực phòng trừ sâu bệnh, chăm sóc, bón phân kịp thời của nhân dân, việc sử dụng giống mới, bố trí cơ cấu giống phù hợp nên vụ Đông xuân cây trồng phát triển tốt và cho năng suất cao, tổng sản lượng lương thực có hạt ước 6 tháng đầu năm 2014 đạt 3.384 tấn, đạt 96,48% KH, tăng 2,41% so với cùng kỳ (trong đó, thóc đạt 3.371,4 tấn, đạt 96,12% so với KH, tăng 2,47% so với cùng kỳ), cụ thể:

- **Cây lúa:** Diện tích gieo sạ vụ Đông xuân là 789 ha, bằng 99,66% kế hoạch và giảm 1,07% so với cùng kỳ (giảm 8,5ha); Sản lượng thu hoạch được 3.371,4 tấn, bằng 96,12% kế hoạch (giảm 135,8 tấn) và tăng 2,47% so với cùng kỳ (tăng 81,3 tấn); Năng

suất bình quân đạt 42,73 tạ/ha, bằng 96,45% kế hoạch và tăng 4,0% so với cùng kỳ (tăng 1,48 tạ/ha).

- *Cây ngô*: Diện tích 5,0 ha, bằng 55,55% kế hoạch, giảm 13,04% so cùng kỳ; Năng suất 25,2 tạ/ha, đạt 109,56% kế hoạch và tăng 2,02% so với cùng kỳ; Sản lượng 12,6 tấn, đạt 60,86% kế hoạch và giảm 88,73% so với cùng kỳ năm trước.

* *Chăn nuôi*: Tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm ổn định. Việc mua bán, vận chuyển gia súc diễn ra bình thường; Công tác kiểm dịch, kiểm soát các điểm giết mổ, vệ sinh thú y được thực hiện. Đầu năm do thời tiết rét đậm, lạnh kéo dài đã làm cho 24 con trâu già và be nghé chết rét. Dịch bệnh LMLM phát sinh tại xã Long Môn (trong đó: 01 con chết và 24 con mắc bệnh); Bệnh tụ huyết trùng, bệnh Weucatxon xuất hiện rải rác ở một số nơi trên địa bàn xã Long Hiệp, Thanh An, Long Sơn. UBND huyện cũng đã chỉ đạo các ngành chức năng theo dõi diễn biến dịch bệnh ở gia súc, gia cầm, hướng dẫn cho bà con cách phòng tránh và khắc phục khi dịch bệnh bùng phát. Tổ chức phun thuốc hóa chất sát trùng chuồng trại cho các hộ gia đình, tăng cường công tác phòng chống dịch cúm gia cầm A/H5N1, H7N9, H10N8. Tính đến thời điểm 01/4/2014, tổng số đàn trâu là 3.968 con đạt 79,36% kế hoạch năm và giảm 13,02% so với cùng kỳ năm trước; Đàn bò là 1.114 con đạt 58,63% kế hoạch năm và giảm 19,8% so với cùng kỳ năm trước; Đàn lợn là 3.697 con đạt 88,02% kế hoạch năm và giảm 3,9% so với cùng kỳ năm trước; Đàn gia cầm là 22.991 con đạt 91,23% kế hoạch năm và giảm 5,11% so với cùng kỳ năm trước.

* *Về thủy lợi*: Để đảm bảo cho sản xuất vụ Đông xuân đạt năng suất cao, UBND huyện cũng đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn hướng dẫn các xã đóng toàn bộ ván phai ở các công trình đầu mối, mở các cửa cống lấy nước, điều tiết nước hợp lý; Vận động nhân dân nạo vét kênh mương nội đồng, đảm bảo nguồn nước cho sản xuất vụ Đông xuân (đã huy động được trên 3.270 ngày công nạo vét). Dự trữ nguồn nước để đảm bảo cho sản xuất vụ Hè, tiến hành kiểm tra diện tích khô hạn trên địa bàn 5 xã để xây dựng phương án chống hạn vụ Hè thu năm 2014. Tổ chức kiểm tra, sửa chữa các công trình thủy lợi bị hư hỏng, xuống cấp nhằm đảm bảo phục vụ cho sản xuất.

1.1.2. *Về Lâm nghiệp*: Duy trì công tác chăm sóc và bảo vệ rừng. Hoàn thành công tác theo dõi diễn biến tài nguyên rừng năm 2013; Ban hành chỉ thị, văn bản chỉ đạo tăng cường công tác bảo vệ rừng, PCCC năm 2014; Thường xuyên tổ chức các đợt tuần tra, truy quét những điểm nóng phá rừng, buôn bán lâm sản trái pháp luật. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền không buôn bán, tiêu thụ, sử dụng các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn huyện; Triển khai công tác trồng rừng theo Quyết định 147/2007/QĐ-TTg; Kiện toàn Ban chỉ đạo kế hoạch về bảo vệ và phát triển rừng và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong BCD.

Trong 6 tháng đầu năm, trên địa bàn huyện đã trồng được 565 ha rừng sản xuất, đạt 70,6% KH năm; khoanh nuôi tái sinh được 5.273ha; sản lượng khai thác gỗ rừng trồng 16.500m³.

1.1.3. *Về Ngư nghiệp*: Để phát triển tỷ trọng ngành ngư nghiệp trên địa bàn, qua đó đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Ngay từ đầu năm UBND huyện chú trọng đầu tư xây dựng các mô hình nuôi cá nước ngọt thuộc nguồn vốn 30a. Vận động nông dân có ao tiến hành cải tạo và mua cá giống thả nuôi. Trong 6 tháng đầu năm sản lượng

khai thác ước đạt 1,0 tấn, đạt 50% KH năm; diện tích nuôi trồng 20,5 ha, đạt 99,51%; sản lượng nuôi trồng 32,5 tấn, đạt 51,59%.

1.1.4. Công tác khuyến nông: Tổ chức hướng dẫn bà con nông dân cách chăm sóc lúa, cây hoa màu và cách phòng trừ sâu bệnh, chuột gây hại; Đôn đốc nhắc nhở bà con nông dân tăng cường các biện pháp chống đói, rét cho gia súc, gia cầm. Thực hiện mô hình cây lúa vụ Đông Xuân 2013-2014 tại Làng Vang, Làng Lon, xã Long Môn (cho năng xuất lúa mô hình đạt 42 tạ/ha), Mô hình chuối ngự tại xã Long Mai,...; Hướng dẫn bà con nông dân thu hoạch lúa đến đâu tiến hành dọn vệ sinh đồng ruộng để chuẩn bị gieo sạ vụ Hè thu 2014 và chuyển đổi một số cây trồng phù hợp với diện tích chân cao không chủ động được nguồn nước tưới.

1.2. Xây dựng nông thôn mới: Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chung sức xây dựng nông thôn mới; Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các xã thực hiện Đề án về nông thôn mới.

1.3. Tài nguyên và Môi trường:

- **Về đất đai:** Hoàn thành hồ sơ lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng 05 năm kỳ đầu (2011-2015). Tiếp nhận và giải quyết kịp thời, đúng quy định các hồ sơ về đất đai theo cơ chế một cửa. Tiến hành xét duyệt hồ sơ và cấp GCNQSDĐ cho người dân theo Quyết định 245.

- **Về khoáng sản:** Tổ chức kiểm tra các điểm bồi tụ cát sạn tại 04 xã: Long Hiệp, Thanh An, Long Mai, Long Sơn. Khoanh vùng, đo vẽ xác định trữ lượng các vị trí có cát, sỏi, đá trên địa bàn huyện và tổ chức đấu giá bến bãi; Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Công an huyện kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.

- **Công tác bảo vệ môi trường:** Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường. Tổ chức lễ mittinh, diễu hành hưởng ứng Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn,...; Tổ chức Tết trồng cây tại các cơ quan, đơn vị, UBND các xã và một số tuyến đường ở thôn 1, thôn 2 nhằm tạo cảnh quan, bóng mát xung quanh khu vực Trung tâm huyện lỵ. Đã trồng được 237 cây xanh (trong đó: 80 cây Osaka và 157 cây sao đen). Duy trì thu gom rác thải, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện

1.4. Xây dựng – công nghiệp:

- **Đầu tư xây dựng cơ bản:**

Tổng kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện trong năm 2014, đến thời điểm báo cáo là: 67.990 triệu đồng, giá trị giải ngân ước khoảng 29.500 triệu đồng, đạt 43,39% kế hoạch vốn giao.

(Cụ thể từng nguồn vốn và danh mục công trình đầu tư có phụ lục kèm theo)

- **Giao thông:** Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo phòng Kinh tế - Hạ tầng hoàn thành việc duy tu, sửa chữa các tuyến đường giao thông bị hư hỏng do lũ lụt gây ra trên địa bàn huyện, huy động nhân dân tham gia dọn vệ sinh, sửa chữa các tuyến đường trong khu dân cư để phục vụ nhân dân đi lại và vận chuyển hàng hoá thuận lợi, nhất là trong dịp tết Nguyên Đán.

Thường xuyên kiểm tra các tuyến đường giao thông thuộc huyện quản lý; Tăng cường công tác tuyên truyền Luật giao thông đường bộ cho học sinh và nhân dân trên

địa bàn. Ra quân phát động hưởng ứng tháng cao điểm an toàn giao thông. Tiếp tục công tác thu phí bảo trì đường bộ năm 2013 và triển khai thu phí năm 2014 (*tính đến nay trên địa bàn huyện đã thu được 113.590.000 đồng*).

- *Điện chiếu sáng*: Số hộ sử dụng điện đạt 97% trong tổng số hộ trên toàn huyện, chủ yếu là dùng vào việc thắp sáng cho sinh hoạt; Phối hợp với Điện lực Quảng Ngãi kiểm tra an toàn lưới điện đảm bảo phục vụ cho nhân dân, đặc biệt là trong dịp Tết Nguyên đán năm 2014.

- *Nước sinh hoạt*: Kiểm tra, sửa chữa hệ thống cấp nước sinh hoạt Thác Trắng nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho nhân dân.

1.5. Công tác quy hoạch – bồi thường giải phóng mặt bằng:

- Về quy hoạch: Hoàn thiện công tác kiểm kê đất nằm trong vùng quy hoạch (*Khu DC Hà Liệt, Trường Bản, ...*); Triển khai quy hoạch mạng lưới giao thông, đầu nối các tuyến đường tỉnh lộ 624, 625, 628 trên địa bàn huyện; Cắm mốc công trình Khu dân cư Trung tâm cụm xã Long Sơn và tiến hành các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất; Triển khai thủ tục quy hoạch xây dựng Khu du lịch sinh thái Thác Trắng – Đồng Càn với quy mô 57ha, tổng kinh phí đầu tư gần 75 tỷ đồng.

- Về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng: Hoàn thành phương án bồi thường giải phóng mặt bằng phát sinh đường Trung tâm Y tế - Ngã ba ông Tiến; Hoàn thiện công tác kiểm kê áp giá và tổng hợp kiểm tra kinh phí đền bù đất nằm trong vùng quy hoạch trường bán của huyện tại thôn Dư Hữu, xã Long Mai; Bàn giao mốc tại KDC Suối Tía cho các hộ trúng đấu giá.

1.6. Thương mại – dịch vụ:

- Phối hợp với Đội quản lý thị trường số 1 kiểm tra chất lượng các hàng hóa tại chợ Minh Long nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm phục vụ cho bà con trong dịp Tết Nguyên đán; Tổ chức các điểm bán bình ổn giá phục vụ nhu cầu mua sắm tết của người dân. Các mặt hàng phục vụ nhân dân mua sắm Tết khá phong phú và đầy đủ, không có tình trạng thiếu hàng, gây sốt giá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 14.365 tỷ đồng, đạt 47,54% KH năm.

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 12 hộ kinh doanh cá thể với số vốn đăng ký 1.180 triệu đồng. Trong đó, thay đổi đăng ký kinh doanh cho 05 hộ, tổng số vốn 1.000 triệu đồng. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế và tư nhân đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến nông, lâm sản trên địa bàn huyện (*như: xây dựng nhà máy chế biến dăm gỗ, khu du lịch sinh thái Thác Trắng*).

1.7. Thu, chi ngân sách và đăng ký kinh doanh:

- *Tổng thu ngân sách* ước tính 6 tháng đầu năm là: 140.000,0 triệu đồng, đạt 122,62% kế hoạch năm. Trong đó: Thu trên địa bàn 3.200 triệu đồng, đạt 51,05% so với kế hoạch năm.

- *Tổng chi ngân sách* ước tính 6 tháng đầu năm là: 60.500 triệu đồng, chiếm 53,87% so với kế hoạch năm. Trong đó: Chi thường xuyên là: 55.300 triệu đồng; Chi cho đầu tư phát triển 5.200 triệu đồng.

2. Lĩnh vực văn hoá - xã hội:

2.1. Hoạt động văn hoá thông tin và phát thanh truyền hình:

- *Văn hóa thông tin - thể dục thể thao:* Tập trung phản ánh các sự kiện về chính trị - xã hội. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền: Mừng Đất nước - Mừng Đảng - mừng xuân Giáp Ngọ 2014; Kỷ niệm 84 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam và nhiệm vụ phát triển kinh tế- văn hóa - xã hội ở địa phương bằng nhiều hình thức: Xe loa cổ động, pa nô khẩu hiệu, chiếu phim kết hợp với tuyên truyền miệng và dựng 02 công điện tử trang trí tại Trung tâm huyện, Qua đó, đã tạo khí thế vui tươi sôi nổi trong các tầng lớp nhân dân và nâng cao giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Ngoài ra, UBND huyện còn tổ chức 01 đêm văn nghệ quần chúng tại Trung tâm huyện và 05 đêm văn nghệ tại các xã; Tổ chức giải cờ tướng Mừng Đảng – Mừng xuân 2014; Thay đổi nội dung khẩu hiệu trên cổng chào và các tấm ốp cổng chào.

Tổ chức tuyên truyền, phát động phong trào thi đua “Xây dựng cơ quan, gia đình văn hóa” “khu dân cư tiên tiến” “xã không có tệ nạn xã hội” và tuyên truyền chủ đề “chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản năm 2014” được các cấp, các ngành quan tâm.

Phối hợp với Bảo tàng tỉnh Quảng Ngãi lập hồ sơ di tích lịch sử căn cứ cách mạng Núi Mù, xã Long Môn.

- *Truyền thanh truyền hình:* Tuyên truyền những thành tựu nổi bật của huyện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng; Phối hợp với sở Thông tin – Truyền thông và Trung tâm dân số mở mới các chuyên mục phát thanh. Duy trì thường xuyên cả hai hệ thống truyền thanh và truyền hình. Đã phát thanh 415 chương trình, với tổng số giờ tiếp phát truyền hình trên 2.750 giờ, tổng số giờ tiếp sóng FM trên 3.850 giờ.

2.2. Công tác y tế, dân số - KHHGD:

- Chất lượng khám, điều trị bệnh cho nhân dân được nâng lên. Người dân ngày càng tiếp cận gần hơn với dịch vụ y tế. Kết quả công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế huyện là 3.629 lượt, đạt 13,7% KH năm, bằng so với cùng kỳ, trong đó: bệnh nhân điều trị nội trú 1.236 lượt, đạt 46,5% KH; Bệnh nhân điều trị ngoại trú 1.409 lượt, đạt 17,8%.

- Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức. Phối hợp với Ban thanh tra liên ngành VSATTP tỉnh tổ chức kiểm tra các quầy bán tạp hóa lớn nhỏ, thu gom những mặt hàng quá hạn sử dụng, không đủ chất lượng. Kiểm tra các quán ăn, cơ sở chế biến thực phẩm và các dịch vụ kinh doanh thực phẩm khác trước trong và sau dịp Tết Nguyên Đán 2014. Trong đó, kiểm tra là 63 cơ sở (có 61 cơ sở đạt chiếm tỷ lệ 96,8%), qua kiểm tra phát hiện 02 cơ sở vi phạm không đảm bảo vệ sinh, đã xử lý nhắc nhở.

- Các chương trình y tế quốc gia được triển khai đảm bảo đúng tiến độ. Công tác tiêm chủng mở rộng được chú trọng và đảm bảo kế hoạch đề ra, cụ thể: Tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi là 156/336 cháu, đạt tỷ lệ 46,4%; tiêm chủng phụ nữ có thai 203/336 chị, đạt tỷ lệ 60,4%; tiêm chủng phụ nữ trong độ tuổi từ 15-35 là 330/677 người, đạt tỷ lệ 48,7%.

- Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được duy trì đầy mạnh; Công tác Dân số -KHHGD tiếp tục duy trì các hoạt động truyền thông, vận động cung

cấp thông tin với nhiều hình thức. Trong 6 tháng đầu năm trên địa bàn huyện có 343 ca thực hiện các biện pháp tránh thai, đạt tỷ lệ 33,3% so với kế hoạch; tổng số lần khám phụ khoa 625 lượt, tăng 5,6% so với cùng kỳ.

2.3. Công tác giáo dục:

- Đẩy mạnh phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” trong toàn ngành. Công tác giảng dạy đảm bảo chương trình và thời gian quy định. Sau tết Nguyên Đán, tập trung công tác vận động học sinh ra lớp, không để tình trạng học sinh nghỉ kéo dài. Đồng thời có kế hoạch dạy thay, dạy bù và phụ đạo học sinh yếu kém, bồi dưỡng học sinh khá giỏi tham gia hội thi các cấp. Tổ chức thao giảng dự giờ, mở các chuyên đề chuyên môn ở các bậc học. Chuẩn bị tổng kết năm học 2013-2014, tổ chức xét tốt nghiệp ở các bậc học và tổ chức kỳ thi THPT. Tổng số học sinh năm học 2013-2014 trên địa bàn huyện có 3.413 học sinh.

- Tổ chức các hoạt động: Kỳ thi Olympic tiếng anh cấp huyện trên Internet cho 31 em học sinh THCS; Giải bóng đá Mini cho các em ở bậc học Tiểu học và THCS; Thi bé khéo tay bé nhanh trí ngành học mầm non cấp huyện. Tham gia giao lưu tiếng việt đối với học sinh dân tộc bậc Tiểu học tại Ba Tơ. Thi năng khiếu Tiểu học cấp huyện.

- Duy trì công tác giữ chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS; Kiểm tra công nhận trường chuẩn quốc gia tại trường THCS Long Sơn.

2.4. Về công tác Lao động - Thương binh & xã hội:

- Công tác an sinh xã hội được chú trọng, giải quyết các chế độ, chính sách cho người có công đảm bảo kịp thời và đúng theo quy định, trong đó: Giải quyết 521 đối tượng người có công với kinh phí 4.663.071.000đ; Tổ chức thăm và tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Ngọ 2014, gồm: Quà của Chủ tịch nước 678 suất, quà của UBND tỉnh 833 suất, quà của UBND huyện 20 suất với tổng kinh phí 391.200.000đ; Cấp 15.579 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng người nghèo, bảo trợ xã hội, người có công, theo Quyết định 290 và trẻ em; Chi trả 532 đối tượng bảo trợ xã hội (theo Nghị định 67/NĐ-CP) với kinh phí 359.910.000đ; Cấp 187 tấn gạo lứt, lứt về các xã; Đưa vào sử dụng 02 nhà tình nghĩa cho đối tượng người có công với trị giá 40.000.000đ/nhà.

- Công tác bảo trợ trẻ em: Đưa 36 trẻ đi khám tìm bầm sinh tại huyện Nghĩa Hành; Lập danh sách người khuyết tật vận động có nhu cầu xe lăn để làm phương tiện đi lại; Tiếp nhận và tặng 100 suất quà do Hội từ thiện Pháp hỗ trợ cho trẻ em từ 01-16 tuổi trong vùng lũ, lứt nhân dịp Tết Nguyên đán (mỗi suất 300.000đ); Ngoài ra, Nhân dịp Tết Nguyên đán UBND huyện cũng đã tặng 10 suất quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn (mỗi suất 500.000đ).

- Công tác xuất khẩu lao động: Tổ chức tư vấn, tuyên truyền công tác xuất khẩu lao động trên địa bàn huyện; Hướng dẫn làm thủ tục hồ sơ cho 7 lao động đăng ký đi xuất khẩu lao động tại Malaysia; Ban hành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công tác xuất khẩu lao động năm 2014.

- Công tác giảm nghèo: Thống kê số liệu về nhà ở của người nghèo và đối tượng xã hội trên địa bàn huyện; Thực hiện mô hình nhân rộng giảm nghèo tại thôn Minh Xuân, xã Long Mai; Kiệm toàn BCĐ giảm nghèo nhanh và bền vững huyện năm 2011-

2015; Lập dự toán nhu cầu vốn hỗ trợ phát triển sản xuất theo Nghị quyết 30a năm 2014. Xây dựng báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a.

2.5. Công tác dân tộc:

Tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số kịp thời, đầy đủ và có hiệu quả, cụ thể:

- Cấp các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào DTTS nhân dịp Tết nguyên Đán Giáp Ngọ 2014 (theo Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND tỉnh) với tổng kinh phí 380.812.800 đồng, cấp cho 3.584 hộ/ 12.798 khẩu, gồm: 3.584 lít dầu ăn, 7.168 lít nước mắm và 12.798 gói bột ngọt (gói 100g); Ngoài ra, UBND huyện xin chủ trương của Huyện ủy và HĐND huyện cấp cho đồng bào dân tộc kinh nghèo trong huyện với 414 hộ/1.536 khẩu, gồm: 414 lít dầu ăn, 414 lít nước mắm và 828 gói bột ngọt, tổng kinh phí là 31.546.800đ (Tổng cộng từ hai nguồn có: 3.998 hộ, 14.334 khẩu; gồm: 3.998 lít dầu ăn, 7.582 lít nước mắm, 13.626 gói bột ngọt).

- Tổ chức gặp mặt và tặng quà cho 37 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết nguyên Đán Giáp Ngọ 2014; Sau Tết tổ chức đi kiểm tra tình hình chung của người có uy tín đang hoạt động tại địa phương.

- Hỗ trợ tiền dầu hỏa thấp sáng theo Quyết định 289/QĐ-TTg năm 2014 cho 30 hộ ở xã Long Sơn và 01 hộ ở xã Thanh An.

Xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách cho người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn huyện năm 2014; Chuẩn bị các nội dung tổ chức Đại hội DTTS huyện Minh Long lần 2.

3. Lĩnh vực nội chính và tổ chức nhà nước:

3.1. Công tác tư pháp :

- Ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2014. Chỉ đạo phòng Tư pháp huyện phối hợp với các ban, ngành và Hội đoàn thể có liên quan tổ chức truyền truyền phổ biến, giáo dục pháp luật theo kế hoạch đề ra. Triển khai Hiến pháp và Luật đất đai sửa đổi, bổ sung năm 2013.

- Công tác chứng thực, quản lý, đăng ký hộ tịch được thực hiện nhanh chóng, đúng pháp luật: Trong 6 tháng đầu năm đã chứng thực được 1.019 việc với 2.691 bản, thu lệ phí được 4.380.000đ; Đăng ký khai sinh 194 cháu, khai tử 24 người, đăng ký kết hôn 183 cặp vợ chồng, Xác nhận tình trạng hôn nhân 4 trường hợp; thay đổi cải chính hộ tịch 01 trường hợp, cấp lại bản chính giấy khai sinh cho 16 trường hợp.

3.2. Công tác thanh tra :

Duy trì công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, trong đó:

- Công tác thanh tra: Tổ chức 02 cuộc thanh tra theo kế hoạch, trong đó: 01 cuộc thanh tra về thu hồi, giải tỏa, đền bù các công trình xây dựng trên địa bàn huyện tại Ban QL các DA ĐT-XD huyện và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện; 01 cuộc thanh tra về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước theo

Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg tại phòng LĐ-TBXH huyện. Nhìn chung, qua các cuộc thanh tra chưa phát hiện trường hợp nào tham nhũng.

- Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo: Trong 6 tháng đầu năm huyện tổ chức tiếp 01 công dân; Tiếp nhận 01 đơn thư khiếu nại và đã xử lý theo thẩm quyền.

- Về công tác phòng chống tham nhũng: Tổ chức tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng đến cán bộ, công chức, viên chức; Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc Chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng nhằm đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn không để xảy ra tham nhũng, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, công chức và bộ máy hành chính nhà nước. Đồng thời ban hành và triển khai thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác. Nhìn chung đến nay chưa phát hiện cá nhân, đơn vị nào có hành vi tham nhũng.

3.3- Công tác Nội vụ và cải cách hành chính:

- Về công tác cán bộ: Tổ chức đánh giá 43 cán bộ công, công chức quản lý của các cơ quan trực thuộc UBND huyện và các xã; Quyết định điều động, chuyển đổi 04 giáo viên thuộc các trường Tiểu học Long Sơn, Thanh An, Long Mai 1; Bổ nhiệm 04 phó hiệu trưởng các trường và 03 chức danh lãnh đạo phó trưởng phòng Dân tộc, KT&HT, NN&PTNT huyện; Quyết định cử 01 công chức huyện đi đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Chính sách công; Xử lý kỷ luật 02 đồng chí vi phạm Quy chế văn hóa công sở và 01 đồng chí viên chức vi phạm về chính sách dân số; Hoàn chỉnh đề án phát triển nguồn nhân lực huyện Minh Long giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020; Ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS công lập và viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện năm 2014.

- Công tác xây dựng chính quyền:

+ Ban hành quyết định phê chuẩn kết quả bầu cử các chức danh lãnh đạo chủ chốt cho Hội Khuyến học và phê chuẩn mức phụ cấp hàng tháng đối với Chủ tịch Hội Khuyến học của 04 xã Long Mai, Long Hiệp, Thanh An và Long Môn.

+ Xếp ngạch, bậc lương cho 07 công chức xã có trình độ lý luận chính trị; Giải quyết nghỉ việc để hưởng chế độ 01 lần cho 02 cán bộ xã Long Hiệp và Long Môn.

+ Tổ chức buổi gặp mặt sinh viên Đại học hệ chính quy đang theo học ở các trường trong và ngoài tỉnh là con em người địa phương nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Ngọ năm 2014 với số lượng 136 sinh viên.

- Công tác thi đua khen thưởng:

+ Tổ chức tổng kết công tác thi đua khen thưởng năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ năm 2014. Khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích tốt trong phong trào thi đua năm 2013, cụ thể: Danh hiệu lao động tiên tiến cho 26 tập thể và 143 cá nhân; Giấy khen cho 17 tập thể và 29 cá nhân; Chiến sĩ thi đua cơ sở cho 03 cá nhân; Trao 01 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 01 đồng chí.

+ Quyết định khen thưởng đột xuất cho: 03 tập thể và 04 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cứu hộ nhân dân bị lũ lụt trên địa bàn huyện; 04 tập thể và 25 cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Quyết thắng LLVT năm 2013;

04 tập thể và 04 cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTO năm 2013; 18 tập thể và 18 cá nhân có thành tích trong 03 năm thực hiện học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Công nhận danh hiệu thi đua cho các cá nhân ngành GD-ĐT huyện đã có thành tích tốt trong năm học 2013-2014.

+ Ký kết giao ước Thi đua Cụm các huyện Miền núi và Hải đảo năm 2014.

- *Công tác tôn giáo*: Tình hình tôn giáo trên địa bàn huyện cơ bản ổn định; các tổ chức tôn giáo hoạt động tuân thủ theo pháp luật; Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Thông báo số 160-TB/TW ngày 15/11/2004 của Ban Bí thư TW Đảng khóa IX về chủ trương công tác đối với đạo Tin lành trong thời gian qua trên địa bàn huyện.

3.4- An ninh, quốc phòng, an toàn xã hội:

- Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện ổn định; an ninh quốc gia được giữ vững; Trật tự an toàn xã hội xảy ra 06 vụ (*gồm: 01 vụ hiếp dâm, 03 vụ đánh bạc trái phép, 02 vụ gây rối TTCC*), giảm 01 vụ so với cùng kỳ; Tai nạn lao động làm chết 01 người.

Lực lượng công an huyện phối hợp với các ngành, hội đoàn thể tổ chức các hoạt động tuyên truyền và ra quân đảm bảo TTATGT năm 2014, đặc biệt là trong dịp Tết Nguyên đán; Thường xuyên tổ chức tuần tra truy quét tội phạm trên địa bàn huyện, trong đó: đã tổ chức 127 ca tuần tra kiểm soát, phát hiện 325 trường hợp vi phạm, phạt cảnh cáo 20 trường hợp, phạt tiền 254 trường hợp với số tiền 199.940.000đ.

- Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, theo dõi nắm bắt tình hình địa bàn. Xây dựng kế hoạch tổ chức lễ ra quân huấn luyện giáo dục Quốc phòng – an ninh năm 2014. Tổ chức đón quân nhân xuất ngũ về địa phương; Cùng với BCH Quân sự tỉnh luyện tập chuyên trạng thái sẵn sàng chiến đấu 2 cấp tỉnh và huyện. Triển khai các nội dung chuẩn bị cho công tác diễn tập khu vực phòng thủ huyện năm 2014.

4- Công tác dân vận của chính quyền:

Để thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội - quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện. Trong 6 tháng đầu năm, UBND huyện ký kết 4 Quy chế phối hợp (*Ban Dân vận Huyện ủy, Hội cựu chiến binh huyện, Hội Nông dân, Công an và Quân sự huyện*); đưa hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 vào trong quản lý nhà nước; Thực hiện chính sách công khai, minh bạch các khâu giải quyết công việc; duy trì chế độ họp giữa lãnh đạo UBND huyện, HĐND, UBMTTQVN, các cơ quan, ban, ngành và Hội đoàn thể đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ hàng tháng và đề ra phương hướng nhiệm vụ tháng tiếp theo; Thường xuyên trao đổi thông tin hai chiều giữa UBND huyện và các tổ chức Hội đoàn thể,...; Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, nhất là ở cơ sở nhằm phát huy, đẩy mạnh việc thực hiện công tác dân vận của chính quyền; Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị gắn công tác dân vận với thực hiện chức năng nhiệm vụ của từng ngành; gắn công tác dân vận với việc triển khai thực hiện các chương trình dự án về phát triển kinh tế - xã hội và công tác cải cách hành chính; Các cấp Hội trên địa bàn huyện phối hợp với các địa phương và các ngành liên quan tổ chức tuyên truyền trong nhân dân về “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng

Việt Nam”, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng chống dịch bệnh đảm bảo sức khỏe...

- Duy trì công tác quản lý hoạt động Hội trên địa bàn huyện đảm bảo đúng quy định và điều lệ; Hội cấp huyện cũng đã tổ chức tiếp nhận và cấp phát trực tiếp cho người nghèo và nạn nhân chất độc da cam có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Ngọ 2014 do các đơn vị cá nhân hỗ trợ với giá trị 293.050.000đồng. Ngoài ra Hội Chữ thập đỏ cơ sở đã huy động và tặng 131 suất quà với tổng trị giá 25.650.000đồng.

V. Thực hiện việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

UBND huyện xác định việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, cơ bản lâu dài, gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương. Do đó, ngay từ đầu năm UBND huyện đã chỉ đạo đưa việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở thành công việc thường xuyên và hàng ngày của mỗi phòng, ban chuyên môn của huyện và coi đây là trách nhiệm cụ thể, thiết thực của mỗi cá nhân trong đơn vị; Thường xuyên chỉ đạo ngành Giáo dục và Đào tạo huyện triển khai có huyện quả việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; Tổ chức cho toàn thể cán bộ công chức, viên chức thực hiện việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” năm 2014.

• Đánh giá chung:

- Ưu điểm: Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm trên địa bàn huyện tăng trưởng khá, một số chỉ tiêu kinh tế tăng so với cùng kỳ năm trước, như: Nông - lâm - ngư chiếm 40,29%; công nghiệp - xây dựng chiếm 28,13%, thương mại - dịch vụ chiếm 31,58%; Cây lúa, cây hoa màu vụ Đông xuân cho năng suất cao, dịch bệnh gia súc gia cầm chưa bùng phát mới xuất hiện trên diện hẹp, đã được kịp thời kiểm soát. Công tác thu trên địa bàn đạt 55,7% KH tỉnh giao và đạt 51,05% KH huyện giao; Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi và đều khắp các xã; Công tác chỉ đạo, tổ chức đón tết của cán bộ và nhân dân trong huyện vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm. Hầu hết nhân dân đón Tết theo phong tục cổ truyền của dân tộc Việt Nam; Tình hình an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội ổn định.

- Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được vẫn còn một số mặt tồn tại: Diện tích, năng suất, sản lượng lúa vụ Đông xuân năm nay giảm, không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; Thu ngân sách trên địa bàn theo dự báo khó đạt chỉ tiêu KH đề ra, các xã chưa tận dụng hết các nguồn thu hiện có; Việc thu phí đường bộ chưa hoàn thành mục tiêu đề ra; Công tác đền bù giải phóng mặt bằng còn chậm; Khắc phục nước Thác Trắng chưa kịp thời để phục vụ cho nhân dân; Công tác xây dựng đề án (nông thôn mới, phát triển nguồn nhân lực) và triển khai các bước sau quy hoạch chậm; Việc giải ngân vốn xây dựng nhà ở cho người có công với cách mạng chậm triển khai; Cổng thông tin điện tử huyện còn hạn chế về tin bài, chưa khai thác, cập nhật kịp thời các hoạt động của huyện vào trang thông tin; Công tác phối hợp tuyên truyền, tư vấn, vận động XKLD còn hạn chế; Tình trạng đánh bài ăn bạc vẫn còn... gây ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Để khắc phục những tồn tại trên và

hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu Nghị quyết HĐND huyện đề ra, UBND tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2014.

II- Nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2014:

1. Tập trung chỉ đạo nông dân thu hoạch lúa vụ Hè Thu và các loại cây hoa màu khác. Hướng dẫn nông dân thu gom rơm rạ để dự trữ làm thức ăn cho gia súc. Hội nghị tổng kết đánh giá sản xuất nông nghiệp năm 2014 và triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp vụ Đông xuân năm 2014-2015; Tổ chức tiêm phòng cho gia súc, gia cầm vụ Đông năm 2014; Kiểm tra các công trình thủy lợi trước mùa mưa lũ; Triển khai công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn.

2. Lập kế hoạch và truy quét các hành vi xâm hại rừng; Tăng cường công tác chăm sóc và bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng khai thác gỗ trái phép; Thường xuyên kiểm tra công tác phòng chống cháy rừng trong mùa nắng nóng; Kiểm tra hiện trường trồng cây phân tán, cây Sa nhân, cây Bời lời đỏ, cây Mây nước của các hộ dân; Tiến hành công tác chăm sóc rừng trồng phòng hộ đợt I. Tập huấn cho người dân về cách trồng và chăm sóc các loại cây phân tán; Tiến hành chăm sóc rừng trồng phòng hộ đợt II; Nghiệm thu công tác bảo vệ, chăm sóc rừng trồng phòng hộ.

3. Tiếp tục thực hiện tốt công tác về quản lý đất đai, khoáng sản và môi trường. Hướng dẫn thực hiện bản cam kết và bảo vệ môi trường của các dự án, công trình trên địa bàn; Tổ chức tuyên truyền hưởng ứng các ngày lễ về môi trường và chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn (22-24/9). Lập đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn huyện.

4. Đẩy mạnh công tác thu thuế, thu đúng, thu đủ, chống thất thu trên địa bàn huyện. Dự thảo khả năng thực hiện kế hoạch năm 2014. Xây dựng báo cáo tình hình hoạt động bán đấu giá và thanh lý tài sản năm 2014; Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2014 và đề ra nhiệm vụ, giải pháp quý IV/2014; Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2015 của huyện.

Ban hành các Quyết định: giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015; Các giải pháp tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách năm 2015; Triển khai xây dựng và thông qua kế hoạch phát triển KT-XH năm 2015.

5. Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình chuyển tiếp và khởi công các công trình đã qua đấu thầu được phê duyệt; Theo dõi đôn đốc các dự án hoàn thành theo đúng.

6. Tổ chức tổng kết công tác giáo dục và đào tạo năm học 2013-2014 và triển khai nhiệm vụ năm học 2014-2015; Tổ chức Lễ khai giảng năm học mới 2014-2015; Kiểm tra, sửa chữa cơ sở vật chất cho các trường để chuẩn bị cho năm học mới; Sắp xếp biên chế lớp và phân công giáo viên đứng lớp; Tổ chức khảo sát đánh giá chất lượng đầu năm học; Vận động học sinh ra lớp đảm bảo sĩ số; Tiến hành thanh tra chuyên môn tại các trường và kiểm tra chương trình công tác dạy 2 buổi/ngày; Hướng dẫn kiểm tra học kỳ I và báo cáo sơ kết học kỳ. Tiếp tục củng cố, duy trì phổ cập giáo

dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở; Chuẩn bị tốt ngày toàn dân đưa con em đến trường và khai giảng năm học mới.

7. Tổ chức kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng huyện Minh Long. Tăng cường các hoạt động tuyên truyền nhân các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương; Tổ chức liên hoan văn nghệ quần chúng huyện năm 2014; Tham gia liên hoan công chiêng và hát dân ca, biểu diễn nhạc cụ dân tộc do tỉnh tổ chức; Phối hợp với Sở Thông tin Truyền thông tổ chức tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ công chức, viên chức huyện và xã; Kiểm tra công nhận các gia đình, thôn, khu dân cư, cơ quan đạt chuẩn văn hóa; Hướng dẫn các xã tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tuyên truyền trực quan Mừng Đảng – Mừng Xuân và xây dựng chương trình đón giao thừa năm 2015.

8. Tiếp tục thực hiện công tác khám và điều trị bệnh cho nhân dân; Tăng cường các hoạt động vệ sinh phòng dịch để hạn chế dịch bệnh xảy ra; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền dân số kế hoạch hóa gia đình, triển khai chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản, giúp đỡ trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; Ra quân hiến máu tình nguyện năm 2014.

9. Tăng cường công tác tuyên truyền vận động công tác xuất khẩu lao động. Chi trả kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng chính sách. Tổ chức các hoạt động nhân ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7/2013 và các ngày lễ khác; Kiểm tra rà soát đối tượng bảo trợ xã hội, xét duyệt các hồ sơ mới phát sinh; Thanh toán tiền miễn giảm học phí và chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định 49/NĐ-CP. Triển khai kế hoạch điều tra tăng giảm hộ nghèo năm 2014; Tổng kết công tác đào tạo nghề nông thôn tại các xã. Xây dựng kế hoạch thăm và phục vụ Tết Nguyên đán năm 2015.

10. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn huyện. Chuẩn bị các nội dung và tổ chức Đại hội DTTS huyện năm 2014; Lập danh sách và nhu cầu cấp các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện nhân dịp Tết Nguyên đán 2015; Báo cáo tổng kết công tác dân tộc năm 2014.

11. Tiếp tục quán triệt việc thực hiện Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Ban hành Quy định một số biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính của tỉnh Quảng Ngãi; Tổ chức thi tuyển (xét tuyển) viên chức sự nghiệp năm 2014; Hướng dẫn xét đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng năm 2014.

12. Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu và luyện tập phương án chiến đấu tại chỗ. Tổ chức khám tuyển, xét duyệt chính trị nghĩa vụ quân sự và tổ chức giao quân năm 2014. Xây dựng kế hoạch chuẩn bị cho việc khám tuyển sức khỏe gọi công dân làm nghĩa vụ quân sự; Tổng kết công tác Quân sự địa phương năm 2014 và triển khai nhiệm vụ năm 2015; Tổ chức diễn tập KVPT huyện năm 2014.

Chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và an toàn giao thông trên địa bàn huyện.

13. Chuẩn bị các nội dung phục vụ kỳ họp HĐND huyện cuối năm 2014; Lãnh đạo UBND huyện làm việc với Ủy ban nhân dân 5 xã về tình hình kinh tế - xã hội năm 2014 và nhiệm vụ năm 2015; Chỉ đạo các phòng, ban và UBND các xã xây dựng

Chương trình công tác năm 2015. Tổng hợp và thông qua Chương trình công tác năm 2015 của UBND huyện.

14. Triển khai xây dựng kế hoạch phục vụ Tết Nguyên đán năm 2014.

Trên đây là kết quả về tình hình thực hiện kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ chủ yếu trong 6 tháng cuối năm 2014 trên địa bàn huyện. UBND huyện Minh Long kính báo cáo UBND tỉnh, Huyện uỷ, HĐND biết, theo dõi chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các sở KH&ĐT, TC;
- Cục Thống kê tỉnh;
- VP. UBND tỉnh;
- TT. HU, HĐND huyện;
- CT, PCT, UVUB;
- VP: CVP, PVP;
- Lưu VT.

**TM. UBND HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



WDT
Võ Đình Tiên

KẾT QUẢ CHI TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

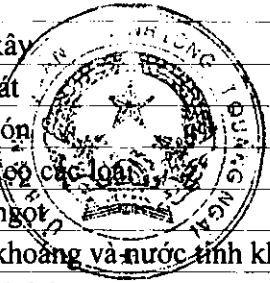
(kèm theo Báo cáo số 81/BC-UBND ngày 19/5/2014 của UBND huyện Minh Long)



| | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2014 | Thực hiện cùng kỳ năm trước | Thực hiện kỳ báo cáo | % so sánh | |
|--|-------------|-------------------|-----------------------------|----------------------|---------------------|--------------------------|
| | | | | | So với kế hoạch năm | So với cùng kỳ năm trước |
| I. TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT | Tr đồng | | | | | |
| 1. Tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành | Tr đồng | 560.692,2 | 261.478,1 | 296.718,6 | 52,92 | 113,48 |
| 1.1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản | Tr đồng | 211.829,5 | 98.930,6 | 119.546,8 | 56,44 | 120,84 |
| Nông nghiệp | Tr đồng | 130.065,3 | 67.264,8 | 74.697,2 | 57,43 | 111,05 |
| <i>Trong đó: + Trồng trọt</i> | Tr đồng | 93.571,2 | 50.289,2 | 55.763,6 | 59,60 | 110,89 |
| + <i>Chăn nuôi</i> | Tr đồng | 30.212,3 | 13.894,6 | 15.618,9 | 51,70 | 112,41 |
| + <i>Dịch vụ nông nghiệp</i> | Tr đồng | 6.281,8 | 3.081,0 | 3.314,7 | 52,77 | 107,59 |
| Lâm nghiệp | Tr đồng | 79.806,7 | 30.476,5 | 43.815,4 | 54,90 | 143,77 |
| Thủy sản | Tr đồng | 1.957,5 | 1.207,3 | 1.034,2 | 52,83 | 85,66 |
| 1.2. Công nghiệp - xây dựng | Tr đồng | 158.619,8 | 75.978,5 | 83.456,8 | 52,61 | 109,84 |
| Công nghiệp | Tr đồng | 14.820,9 | 7.451,2 | 7.649,2 | 51,61 | 102,66 |
| Xây dựng | Tr đồng | 143.789,9 | 68.527,3 | 75.807,6 | 52,72 | 110,62 |
| 1.3. Dịch vụ | Tr đồng | 190.242,9 | 86.569,0 | 93.715,0 | 49,26 | 108,25 |
| <i>Trong đó: Thương Mại</i> | Tr đồng | 18.075,4 | 8.207,0 | 8.725,0 | 48,27 | 106,31 |
| 2. Tổng giá trị SX theo giá so sánh 2010 | Tr đồng | 463.935,1 | 214.593,0 | 245.426,9 | 52,91 | 114,37 |
| 2.1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản | Tr đồng | 165.030,2 | 80.563,0 | 98.516,9 | 59,70 | 122,29 |
| Nông nghiệp | Tr đồng | 111.087,1 | 54.463,5 | 61.570,2 | 55,43 | 113,05 |
| <i>Trong đó: + Trồng trọt</i> | Tr đồng | 82.535,1 | 40.469,2 | 45.963,8 | 55,69 | 113,58 |
| + <i>Chăn nuôi</i> | Tr đồng | 23.374,4 | 11.452,3 | 12.875,4 | 55,08 | 112,43 |
| + <i>Dịch vụ nông nghiệp</i> | Tr đồng | 5.177,6 | 2.542,0 | 2.731,0 | 52,75 | 107,44 |
| Lâm nghiệp | Tr đồng | 51.192,4 | 25.104,2 | 36.094,7 | 70,51 | 143,78 |
| Thủy sản | Tr đồng | 2.030,7 | 995,3 | 852,0 | 41,96 | 85,66 |
| 2.2. Công nghiệp - xây dựng | Tr đồng | 123.701,3 | 62.584,0 | 68.753,0 | 55,58 | 109,86 |
| Công nghiệp | Tr đồng | 12.092,0 | 6.137,2 | 6.257,0 | 51,74 | 101,95 |
| Xây dựng | Tr đồng | 111.609,0 | 56.446,8 | 62.496,0 | 56,0 | 101,72 |
| 2.3. Thương Mại - Dịch vụ | Tr đồng | 148.203,7 | 71.446,0 | 78.157,0 | 52,74 | 109,39 |
| <i>Trong đó: Thương Mại</i> | Tr đồng | 14.079,0 | 6.762,0 | 7.193,0 | 51,09 | 106,37 |
| II. NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN | | | | | | |
| 1. Nông nghiệp | | | | | | |
| 1.1. Sản lượng lương thực có hạt | Tấn | 6.542,5 | 3.304,3 | 3.384,0 | 96,48 | 102,41 |
| <i>Trong đó: Thóc</i> | Tấn | 6.510,0 | 3.290,1 | 3.371,4 | 96,12 | 102,47 |
| 1.2. Một số cây trồng hàng năm chủ yếu | | | | | | |
| * <i>Lúa Cà nãm</i> | | | | | | |
| Diện tích | Ha | 1.515,0 | | | | |
| Năng suất | Tạ/Ha | 43,0 | | | | |
| Sản lượng | Tấn | 6.510,0 | | | | |
| * <i>Lúa Đông xuân</i> | | | | | | |

| | | | | | | |
|--|-------|----------|---------|---------|--------|--------|
| Diện tích | Ha | 745,0 | 797,5 | 789,0 | 99,65 | 98,93 |
| Năng suất | Tạ/Ha | 42,0 | 41,25 | 42,73 | 96,45 | 103,59 |
| Sản lượng | Tấn | 3.129,0 | 3.290,1 | 3.371,4 | 96,12 | 102,47 |
| * Lúa Hệ lư | | | | | | |
| Diện tích | Ha | 770,0 | 763,3 | | | |
| Năng suất | Tạ/Ha | 43,9 | 43,6 | | | |
| Sản lượng | Tấn | 3.381,0 | 3.328,1 | | | |
| * Ngô | | | | | | |
| Diện tích | Ha | 13,0 | 5,75 | 5,0 | 55,55 | 86,96 |
| Năng suất | Tạ/Ha | 25,0 | 24,7 | 25,2 | 109,56 | 102,02 |
| Sản lượng | Tấn | 32,5 | 14,2 | 12,6 | 60,86 | 88,73 |
| * Rau các loại | | | | | | |
| Diện tích | Ha | 27,0 | 12,2 | 18,5 | 102,78 | 151,64 |
| Năng suất | Tạ/Ha | 65,9 | 64,3 | 65,1 | 98,79 | 101,24 |
| Sản lượng | Tấn | 178,0 | 78,4 | 120,4 | 67,64 | 153,57 |
| * Đậu các loại | | | | | | |
| Diện tích | Ha | 8,0 | 4,6 | 4,1 | 51,25 | 89,13 |
| Năng suất | Tạ/Ha | 7,5 | 7,3 | 7,5 | 100,0 | 102,74 |
| Sản lượng | Tấn | 6,0 | 3,4 | 3,1 | 51,67 | 91,18 |
| * Sắn | | | | | | |
| Diện tích | Ha | 1.300,0 | 1.355,0 | 1.350,0 | 103,85 | 99,63 |
| Năng suất | Tạ/Ha | 144,0 | | | | |
| Sản lượng | Tấn | 18.720,0 | | | | |
| * Lạc | | | | | | |
| Diện tích | Ha | 11,0 | 8,5 | 7,5 | 68,18 | 88,24 |
| Năng suất | Tạ/Ha | 14,73 | 14,2 | 14,3 | 97,0 | 100,7 |
| Sản lượng | Tấn | 16,2 | 12,1 | 10,7 | 6,05 | 88,43 |
| * Mía | | | | | | |
| Diện tích | Ha | 20,0 | 15,0 | 21,7 | 108,5 | 144,67 |
| Năng suất | Tạ/Ha | 475,0 | | | | |
| Sản lượng | Tấn | 950,0 | | | | |
| * Tỏi tươi | | | | | | |
| Diện tích | Ha | | | | | |
| Năng suất | Tạ/Ha | | | | | |
| Sản lượng | Tấn | | | | | |
| * Hành tươi | | | | | | |
| Diện tích | Ha | | | | | |
| Năng suất | Tạ/Ha | | | | | |
| Sản lượng | Tấn | | | | | |
| 1.3. Một số cây trồng lâu năm chủ yếu | | | | | | |
| * Cao su | | | | | | |
| Diện tích | Ha | | | | | |
| Trong đó: Diện tích cho sản phẩm | Ha | | | | | |
| Năng suất | Tạ/Ha | | | | | |
| Sản lượng | Tấn | | | | | |
| * Hồ tiêu | | | | | | |

| | | | | | | |
|--|----------------|----------|----------|----------|-------|--------|
| Diện tích | Ha | | | | | |
| <i>Trong đó: Diện tích cho sản phẩm</i> | Ha | | | | | |
| Năng suất | Tạ/Ha | | | | | |
| Sản lượng | Tấn | | | | | |
| * Điều | | | | | | |
| Diện tích | Ha | | | | | |
| <i>Trong đó: Diện tích cho sản phẩm</i> | Ha | | | | | |
| Năng suất | Tạ/Ha | | | | | |
| Sản lượng | Tấn | | | | | |
| * Dừa | | | | | | |
| Diện tích | Ha | | | | | |
| <i>Trong đó: Diện tích cho sản phẩm</i> | Ha | | | | | |
| Năng suất | Tạ/Ha | | | | | |
| Sản lượng | Tấn | | | | | |
| * Dâu tằm | | | | | | |
| Diện tích | Ha | | | | | |
| Sản lượng | Tấn | | | | | |
| 1.4. Chăn nuôi (Thời điểm 01 / 4 / 2014) | | | | | | |
| Đàn trâu | Con | 5.000,0 | 4.562,0 | 4.697,0 | 93,94 | 102,96 |
| Đàn bò | Con | 1.900,0 | 1.389,0 | 1.468,0 | 77,26 | 105,69 |
| <i>Trong đó: Bò Lai</i> | Con | 570,0 | 368,0 | 499,0 | 87,54 | 135,6 |
| Đàn lợn | Con | 4.100,0 | 3.847,0 | 4.015,0 | 99,93 | 104,37 |
| Đàn gia cầm | 1000 con | 25.200,0 | 24.230,0 | 24.774,0 | 98,31 | 102,25 |
| 2. Lâm nghiệp | | | | | | |
| 2.1. Diện tích rừng trồng tập trung | Ha | 800,0 | 450,0 | 565,0 | | |
| <i>Trong đó: Rừng sản xuất</i> | Ha | 800,0 | 450,0 | 565,0 | | |
| <i>Rừng phòng hộ</i> | Ha | | | | | |
| 2.2. Diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh | Ha | 5.273,0 | 5.273,0 | 5.273,0 | | |
| <i>Trong đó: Rừng sản xuất</i> | Ha | 2.773,0 | 2.773,0 | 2.773,0 | | |
| <i>Rừng phòng hộ</i> | Ha | 2.500,0 | 2.500,0 | 2.500,0 | | |
| 2.3. Sản lượng gỗ khai thác | m ³ | | | | | |
| <i>Trong đó: Gỗ rừng trồng</i> | m ³ | | | | | |
| 3. Thủy sản | | | | | | |
| 3.1. Sản lượng khai thác | Tấn | 2,0 | 1,0 | | | |
| <i>Trong đó: Khai thác hải sản</i> | Tấn | | | | | |
| 3.2. Diện tích nuôi trồng | Ha | 20,6 | 20,5 | | | |
| <i>Trong đó: Tôm nuôi</i> | Ha | | | | | |
| 3.3. Sản lượng nuôi trồng | Tấn | 63,0 | 35,5 | | | |
| <i>Trong đó: Tôm nuôi</i> | Tấn | | | | | |
| III. CÔNG NGHIỆP - XÂY DỰNG | | | | | | |
| * Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu | | | | | | |
| - Thủy sản chế biến | Tấn | | | | | |
| - Đường RS | Tấn | | | | | |
| - Bia | Ngàn lít | | | | | |
| - Quần áo may sẵn | Ngàn cái | | | | | |
| - Giấy bìa các loại | Tấn | | | | | |



| | | | | | |
|--|---------------------|-----------|-----------|--|--|
| - Gạch xây | Ngàn viên | | | | |
| - Gạch lát | Ngàn m ² | | | | |
| - Phân bón | Tấn | | | | |
| - Bánh kẹo các loại | Tấn | | | | |
| - Nước ngọt | Ngàn lít | | | | |
| - Nước khoáng và nước tinh khiết | Ngàn lít | | | | |
| - Đá khai thác | Ngàn m ³ | | | | |
| - Nước mắm | Ngàn lít | | | | |
| - Rượu trắng | Ngàn lít | | | | |
| - Gỗ xẻ | Ngàn m ³ | | | | |
| - Nước máy | Ngàn m ³ | | | | |
| - Sữa các loại | 1000 lít | | | | |
| - Dăm gỗ N. liệu giấy | Tấn | | | | |
| - Tinh bột mỳ | Tấn | | | | |
| - Sản phẩm lọc hoá dầu | Tấn | | | | |
| IV. THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ | | | | | |
| Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch | Tỷ đồng | 30.215,0 | | | |
| V. GIAO THÔNG VẬN TẢI | | | | | |
| 1. Sản lượng vận tải | | | | | |
| 1.1. Vận tải hàng hóa | | | | | |
| - Vận chuyển | Tấn | | | | |
| - Luân chuyển | Tấn.KM | | | | |
| 1.2. Vận tải hành khách | | | | | |
| - Vận chuyển | HK | | | | |
| - Luân chuyển | HK.KM | | | | |
| 2. Doanh thu vận tải | | | | | |
| - Đường bộ | Tr đồng | | | | |
| - Đường biển | Tr đồng | | | | |
| - Đường sông | Tr đồng | | | | |
| VI. TÀI CHÍNH - TÍN DỤNG | | | | | |
| 1. Tổng thu ngân sách trên địa bàn | | 114.177,0 | 168.781,0 | | |
| <i>Trong đó: Thu thuế</i> | Tr đồng | 6.268,0 | 5.400,0 | | |
| 2. Tổng chi ngân sách | Tr đồng | 112.316,0 | 155.151,0 | | |
| <i>Trong đó: + Chi đầu tư phát triển</i> | Tr đồng | 8.846,0 | 9.846,0 | | |
| <i>+ Chi thường xuyên</i> | Tr đồng | 91.749,0 | 67.031,0 | | |
| VII. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | | | | | |
| 1. Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện | Tr đồng | | | | |
| 2. Vốn ngân sách nhà nước cấp xã | Tr đồng | | | | |
| VIII. VĂN HÓA - XÃ HỘI | | | | | |
| 1. Văn hóa | | | | | |
| 1.1 Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa | | | | | |
| + Gia đình văn hóa | % | 74,82 | | | |
| + Thôn , khối phố văn hóa | % | 74,42 | | | |
| + Cơ quan văn hóa | % | 100,0 | | | |
| 1.2 Số xã , phường có nhà văn hóa | xã | 5,0 | | | |
| 1.3 Kê vẽ bản tin cố định pa no tol (khẩu hiệu) | m ² | 180 | 90 | | |

| | | | | | | |
|---|----------|----------|----------|---------|--------|--------|
| 1.4 Tuyên truyền xe loại cũ đồng | Đợt | 25 | 30 | | | |
| 1.5 Số buổi chiếu phim phục vụ cơ sở | Buổi | 100 | 45 | | | |
| 2. Đài truyền thanh - phát lại truyền hình | | | | | | |
| Tổng số chương trình phát thanh toàn huyện | ChTr | 385 | 162 | | | |
| Trong đó: Chương trình tiếng H're | ChTr | 180 | 59 | | | |
| Chương trình đài truyền thanh trực tiếp | ChTr | 7 | 6 | | | |
| Phát sóng chương trình Tỉnh | ChTr | 3 | 1 | | | |
| Phát sóng chương trình trang T H địa phương | ChTr | 2 | 1 | | | |
| Tổng số giờ truyền thanh | Giờ | 3.00,0 | 1.426,0 | | | |
| Tổng số giờ truyền hình | Giờ | 17.550,0 | 12.161,0 | | | |
| Số hộ xem được Đài truyền hình Việt Nam | Hộ | 4.207,0 | 4.207,0 | | | |
| Tỷ lệ số hộ xem được Đài truyền hình Việt Nam | % | 90,7 | 90,7 | | | |
| Số hộ nghe được Đài tiếng nói Việt Nam | Hộ | 5.553,0 | 4.553,0 | | | |
| Tỷ lệ hộ nghe được Đài tiếng nói Việt Nam | % | 98,17 | 98,17 | | | |
| 3. Dân số trung bình | Người | 16.421,0 | 16.127,0 | | | |
| Tổng số hộ toàn huyện | | 4.745,0 | 4.638,0 | | | |
| Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên | ‰ | 0,90 | 0,94 | | | |
| Mức giảm tỷ lệ sinh | ‰ | 0,50 | 0,50 | | | |
| 4. Giáo dục | | | | | | |
| Số học sinh mầm non | Học sinh | 920 | 929 | 925,0 | 100,54 | 99,57 |
| Tổng số học sinh phổ thông | Học sinh | | | | | |
| - Tiểu học | Học sinh | 1.490,0 | 1.472,0 | 1.483,0 | 99,53 | 100,75 |
| - Trung học cơ sở | Học sinh | 1.020,0 | 975 | 1.005,0 | 98,53 | 103,08 |
| - Trung học phổ thông | Học sinh | 450 | 460 | 416 | 92,44 | 90,43 |
| - Giáo dục thường xuyên | Học sinh | 120 | 100 | 110 | 91,67 | 110,0 |
| Tổng số trường học | Trường | | | | | |
| - Mầm non | Trường | 7 | 5 | 5 | 71,43 | 100,0 |
| - Tiểu học | Trường | 6 | 6 | 6 | 100,0 | 100,0 |
| - Trung học cơ sở | Trường | 6 | 4 | 4 | 66,67 | 100,0 |
| - Trung học phổ thông | Trường | 1 | 1 | 1 | 100,0 | 100,0 |
| Số trường đạt chuẩn quốc gia | Trường | | | | | |
| - Mầm non | Trường | 1 | 0 | 0 | 0,0 | 0,0 |
| - Tiểu học | Trường | 3 | 3 | 3 | 100,0 | 100,0 |
| - Trung học cơ sở | Trường | 1 | 0 | 0 | 0,0 | 0,0 |
| - Trung học phổ thông | Trường | | | | | |
| Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia | % | 31,3 | 18,8 | | | |
| - Mầm non | % | 25,0 | 0 | 0 | | |
| - Tiểu học | % | 50,0 | 50,0 | 50,0 | | |
| - Trung học cơ sở | % | 20,0 | 0 | 0 | | |
| - Trung học phổ thông | % | 0 | 0 | | | |
| 5. Y tế | | | | | | |
| Số giường bệnh | Giường | 50 | 50 | 50,0 | 100,0 | 100,0 |
| Số bác sĩ | Bác sĩ | 15 | 13 | 13,0 | 86,67 | 100,0 |
| Số giường bệnh/10.000 dân | Giường | 50 | 47 | 47,0 | 94,0 | 100,0 |
| Số bác sĩ/10.000 dân | Bác sĩ | 8,5 | 8,0 | 8,0 | 94,12 | 100,0 |
| Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ | % | 80,0 | 60,0 | 60,0 | | |

| | | | | | |
|---|-------|-------|---------|---------|-------|
| Số lượt người được khám và điều trị bệnh | Người | | 1.138,0 | 1.024,0 | 90,0 |
| Trong đó: + Điều trị nội trú | Người | | 796,0 | 703,0 | 88,32 |
| + Điều trị ngoại trú | Người | | 342,0 | 321,0 | 93,86 |
| Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi | % | 30 | 31,7 | | |
| 6. Tỷ lệ hộ nghèo | % | 31,61 | 38,62 | | |
| Số hộ nghèo giảm trong kỳ | Hộ | 325 | 324 | | |
| 7. Tai nạn giao thông | | | | | |
| 1. Số vụ tai nạn | Vụ | | 4 | 2,0 | 50,0 |
| 2. Số người chết | Người | | 4 | 1,0 | 25,0 |
| 3. Số người bị thương | Người | | 1 | 1,0 | 100,0 |

Ghi chú:

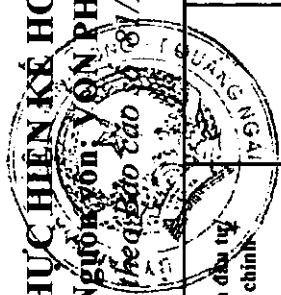
- Báo cáo phân chẩn nuôi tính đến thời điểm điều tra trước đó. VD: Quý I báo cáo chẩn nuôi quý IV, báo cáo 6 tháng là thời điểm 1/4.
- Báo cáo giáo dục: Quý I và 6 tháng báo cáo số liệu giữa năm học, 9 tháng và năm báo cáo số liệu đầu năm học

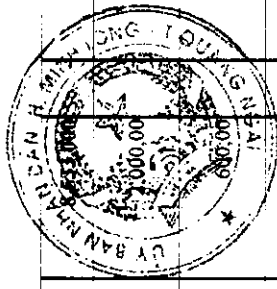
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014
Người vốn: VỐN PHÂN CẤP THEO QUYẾT ĐỊNH 31

(Mẫu kèm theo báo cáo 81/BC-UBND ngày 19/5/2014 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

| TT | TÊN DỰ ÁN | Năng lực thiết kế | Thời gian khởi công - hoàn hành | Quyết định đầu tư QĐ điều chỉnh | | Đã giải ngân từ KC đến hết năm 2013 | Kế hoạch năm 2014 | Lấy kế thực hiện từ khởi công đến 20/5/2014 | | Trong đó: Thực hiện từ đầu năm đến 20/5/2014 | | | Ước giải ngân vốn kế hoạch năm 2014 đến 30/6/2014 | Đề xuất chỉnh, bổ sung (tăng giảm so với kế hoạch đầu năm) | Dự kiến thời gian hoàn thành dự án |
|-----|---|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-------------------|---|------------------|--|----------------------------|-------------------|---|--|------------------------------------|
| | | | | Số QĐ, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | | | Lấy kế khối lượng thực hiện | Lấy kế giải ngân | Khối lượng thực hiện | Khối lượng đã đăng ký KBNN | Giá trị Giải ngân | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | | | | | | | | | |
| I | Dự án hoàn thành bố trí vốn trả nợ | | | | 26.866,765 | 11.947,882 | 7.766,003 | 22.782,745 | 15.851,882 | 6.781,000 | 7.426,003 | 3.904,000 | 7.566,003 | | |
| I.1 | Trả nợ công trình đã phê duyệt quyết toán Đập Lăng Hình | Công trình Cấp IV | 2012 | | 9.931,824 | 8.624,702 | 953,863 | 9.578,565 | 9.168,702 | - | 953,863 | 544,000 | 953,863 | | |
| 1 | Bê tông sán sau UBND huyện | Công trình Cấp IV | 2013 | | 443,640 | 314,067 | 129,573 | 443,640 | 403,067 | | 129,573 | 89,000 | 129,573 | | |
| 3 | Đường giao thông nông thôn Long Mai | Công trình Cấp IV | 2010 | | 1.457,487 | 1.180,000 | 138,000 | 1.318,000 | 1.280,000 | | 138,000 | 100,000 | 138,000 | | |
| 4 | Kiến cố hóa kênh mương Cà Xen | Công trình Cấp IV | 2011 | | 899,918 | 724,000 | 83,000 | 807,000 | 807,000 | | 83,000 | 83,000 | 83,000 | | |
| 5 | Tuyến kênh NI Đập cây Đa | Công trình Cấp IV | 2011 | | 926,494 | 745,668 | 91,000 | 836,668 | 836,668 | | 91,000 | 91,000 | 91,000 | | |
| 6 | Đường GTNT Long Hiệp Thiệp xuyên | Công trình Cấp IV | 2010 | | 593,907 | 531,879 | 31,000 | 562,879 | 562,879 | | 31,000 | 31,000 | 31,000 | | |
| I.2 | Trả nợ công trình có khối lượng hoàn thành | | | | 8.401,941 | 3.323,180 | 1.750,000 | 6.973,180 | 4.743,180 | 2.100,000 | 1.750,000 | 1.420,000 | 1.750,000 | | |
| 1 | Đường giao dân nhà Ông E - tỉnh lộ 628 | Công trình Cấp IV | 2013 | | 1.885,000 | 773,180 | 500,000 | 1.773,180 | 1.073,180 | 500,000 | 500,000 | 300,000 | 500,000 | | |
| 2 | Trạm Y tế xã Long Môn | Công trình Cấp IV | 2014 | | 4.051,000 | 1.250,000 | 750,000 | 3.000,000 | 2.000,000 | 750,000 | 750,000 | 750,000 | 750,000 | | |
| 3 | Đường vào trường THCS liên xã An Môn | Công trình Cấp IV | 2013 | | 390,000 | 250,000 | 100,000 | 350,000 | 350,000 | 100,000 | 100,000 | 100,000 | 100,000 | | |
| 4 | Công viên cây xanh(Bao gồm kinh phí bồi thường) | Công trình Cấp IV | 2014 | | 2.075,94 | 1.050,000 | 400,000 | 1.850,000 | 1.320,000 | 750,000 | 400,000 | 270,000 | 400,000 | | |





| II | Dự án khởi công mới | | | | 3.627,000 | 6.231,000 | 1.940,000 | 4.681,000 | 3.627,000 | 1.940,000 | 3.427,000 | 2014 |
|-----|--|------|-------------------|----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|------|
| 1 | San lấp nền các tuyến đường thuộc Trung tâm huyện | 2014 | Công trình Cấp IV | 700,00 | 1.500,00 | 300,00 | 500,00 | 700,00 | 300,00 | 1.940,000 | 500,00 | 2014 |
| 2 | Tường rào công nghệ phòng TNMT và Khôi dân vận | 2014 | Công trình Cấp IV | 200,00 | 450,00 | 100,00 | 200,00 | 200,00 | 100,00 | 1.940,000 | 200,00 | 2014 |
| 3 | Mương thoát nước tuyến Suối Tia- TTGD thương xuyên (Núi dài) | 2014 | Công trình Cấp IV | 400,00 | 700,00 | 150,00 | 400,00 | 400,00 | 150,00 | 1.940,000 | 400,00 | 2014 |
| 4 | Mở rộng công viên cây xanh và hệ thống thoát nước (Bao gồm Bồi thường) | 2014 | Công trình Cấp IV | 700,00 | 1.400,00 | 250,00 | 700,00 | 700,00 | 250,00 | 1.940,000 | 700,00 | 2014 |
| 5 | Đóng trần La phòng Hội trường 17/8 Huyện ủy Minh Long | 2014 | Công trình Cấp IV | 273,00 | 273,00 | 150,00 | 273,00 | 273,00 | 150,00 | 1.940,000 | 273,00 | 2014 |
| 6 | Nâng cấp, mở rộng đường thôn Hà Bồi | 2014 | Công trình Cấp IV | 250,00 | 600,00 | 250,00 | 600,00 | 250,00 | 250,00 | 1.940,000 | 250,00 | 2014 |
| 7 | Sửa chữa trụ sở làm việc xã Long Môn | 2014 | Công trình Cấp IV | 200,00 | 400,00 | 140,00 | 400,00 | 200,00 | 140,00 | 1.940,000 | 200,00 | 2014 |
| 8 | Sửa chữa trụ sở làm việc xã Long Hiệp | 2014 | Công trình Cấp IV | 150,00 | 300,00 | 150,00 | 300,00 | 150,00 | 150,00 | 1.940,000 | 150,00 | 2014 |
| 9 | Tường rào công nghệ Huyện ủy, UBND huyện, | 2014 | Công trình Cấp IV | 500,00 | 800,00 | 300,00 | 800,00 | 500,00 | 300,00 | 1.940,000 | 500,00 | 2014 |
| 10 | Di dời đường dây điện 15 (22kv) trung tâm y tế huyện | 2014 | Công trình Cấp IV | 254,00 | 508,00 | 150,00 | 508,00 | 254,00 | 150,00 | 1.940,000 | 254,00 | 2014 |
| III | Chuẩn bị đầu tư | | | 170,000 | - | - | - | - | - | - | 170,000 | |
| 1 | Xây dựng trường bán (Đo và cắm mốc diện tích) | 2014 | Công trình Cấp IV | 20,00 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 20,00 | 0,000 | 0,000 | 20,00 | |
| 2 | Nhà thi đấu thể thao trung tâm huyện | 2014 | Công trình Cấp IV | 100,00 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 100,00 | 0,000 | 0,000 | 100,00 | |
| 3 | Làm sân Huyện ủy | 2014 | Công trình Cấp IV | 20,00 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 20,00 | 0,000 | 0,000 | 20,00 | |
| 4 | Nhà vệ sinh Khu du lịch Thác Trắng | 2014 | Công trình Cấp IV | 10,00 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 10,00 | 0,000 | 0,000 | 10,00 | |
| 5 | Mở rộng khu xử lý rác thải Long Mai | 2014 | Công trình Cấp IV | 20,00 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 20,00 | 0,000 | 0,000 | 20,00 | |
| IV | Nguồn thực hiện XDCB ngành giáo dục chưa phân khai | | | 1.095,14 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 1.095,14 | 0,000 | 0,000 | 1.095,14 | |
| 1 | Trường Mẫu giáo Long Sơn | 2014 | Công trình Cấp IV | 296,00 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 296,00 | 0,000 | 0,000 | 296,00 | |
| 2 | Trường Mẫu giáo Long Hiệp | 2014 | Công trình Cấp IV | 444,00 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 444,00 | 0,000 | 0,000 | 444,00 | |



| | | | | | | | | | | | | | |
|---|--|-------------------|------|--|--|--------|-------|-------|-------|-------|--------|-------|--------|
| 3 | Tường Rào bê tông sân trường- Trường THCS xã Long Hiệp | Công trình Cấp IV | 2014 | | | 200,00 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 200,00 | 0,000 | 200,00 |
| 4 | Tường Rào bê tông sân trường- Trường TH Long Mai | Công trình Cấp IV | 2014 | | | 155,14 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 155,14 | 0,000 | 155,14 |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

Nguồn Vốn: Chương trình MTQG

(Mẫu kèm theo Báo cáo số 11/BC-UBND ngày 19/5/2014 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

| TT | TÊN DỰ ÁN | Thời gian khởi công - hoàn hành | Quyết định đầu tư/ QĐ điều chỉnh | Số QĐ, ngày, tháng, năm | Đã giải ngân từ KC đến hết năm 2013 | Kế hoạch năm 2014 | Lấy kế thực hiện từ khởi công đến 20/5/2014 | | Trong đó: Thực hiện từ đầu năm đến 20/5/2014 | | | Ước giải ngân vốn kế hoạch năm 2014 đến 30/6/2014 | Đề xuất điều chỉnh, bổ sung (tăng giảm so với kế hoạch đầu năm) | Dự kiến thời gian hoàn thành dự án | Ghi chú (nếu không khớp, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án) |
|----|---|---------------------------------|----------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|-------------------|---|------------------|--|----------------------------|-------------------|---|---|------------------------------------|---|
| | | | | | | | Lấy kế thực hiện | Lay kế giải ngân | Khối lượng thực hiện | Khối lượng đã đăng ký KBNN | Giá trị Giải ngân | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | 2.500,00 | 900,00 | 1.200,00 | 800,00 | 300,00 | 5.920,00 | | | |
| I | CT chuyển tiếp | | | | | 800,00 | 2.500,00 | 900,00 | 1.200,00 | 800,00 | 300,00 | 800,00 | | | |
| | Trường Mầm Non Long Mai | 2013-2014 | | | 600,00 | 800,000 | 2.500,00 | 900,00 | 1.200,00 | 800,00 | 300,00 | 800,00 | | | |
| II | CT khởi công năm 2014 | | | | | 5.120,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 5.120,00 | | | |
| 1 | Trung tâm văn hóa thể thao xã Long Hiệp | 2014 | | | | 300,000 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 300,00 | | | |
| 2 | Công trình Nước sinh hoạt tập trung Hồ Rạng Chốt, thôn Dư Hữu, xã Long Mai, huyện Minh Long | 2014 | | | | 1.250,000 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 1.250,00 | | | |
| 3 | Xây dựng điểm định canh- định cư tập trung thôn Hà Liệt, xã Long Hiệp, huyện Minh long | 2014 | | | | 3.570,000 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 3.570,00 | | | |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014
Nguồn vốn: Chương trình MTQG hỗ trợ giảm nghèo theo Nghị Quyết 30a của Chính Phủ
(Mẫu kèm theo Báo cáo số 87/B-CĐ-BND ngày 19/5/2014 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

| TT | TÊN DỰ ÁN | Thời gian khởi công - hoàn hành | Năng lực thiết kế | Quyết định đầu tư QP điều chỉnh | | Số QĐ, ngày, tháng, năm | Lấy kế hoạch đầu tư | | Kế hoạch năm 2014 | Lấy kế thực hiện từ khởi công đến 20/5/2014 | | Trong đó: Thực hiện từ đầu năm đến 20/5/2014 | | | Ước giải ngân vốn kế hoạch năm 2014 đến 30/6/2014 | Đề xuất điều chỉnh, bổ sung (tăng giảm so với kế hoạch đầu năm) | Dự kiến thời gian hoàn thành dự án | Ghi chú (nếu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án) |
|------------|---|---------------------------------|--------------------|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-------------------|---|----------------------------|--|-----------|-----------|---|---|------------------------------------|---|
| | | | | Tổng mức đầu tư | Trong đó: Vốn NS tỉnh và NSTW | | Lấy kế khối lượng thực hiện | Lấy kế giải ngân | | Khối lượng thực hiện | Khối lượng đã đăng ký KBNN | Giá trị Giải ngân | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | Tổng số | Tổng số | | | | |
| | TỔNG CỘNG | | | 116.300,47 | | | 45.865,20 | 27.184,00 | 74.628,20 | 65.419,20 | 18.440,00 | 27.184,00 | 19.554,00 | 27.184,00 | | | | |
| I | Trả nợ dự án có khối lượng | | | 44.419,47 | | | 25.635,20 | 4.000,00 | 29.635,20 | 28.235,20 | 3.000,00 | 4.000,00 | 2.600,00 | 4.000,00 | | | | |
| 1 | Đường TT xã Long Hiệp giai đoạn I | 2011-2014 | Công trình cấp III | 29.012,00 | | | 19.215,20 | 3.500,00 | 22.715,20 | 21.715,20 | 2.000,00 | 3.500,00 | 2.500,00 | 3.500,00 | | | | |
| 2 | Đường Suối Tia- TTGD TX | 2011-2014 | Công trình cấp III | 15.407,47 | | | 6.420,00 | 500,00 | 6.920,00 | 6.520,00 | 1.000,00 | 500,00 | 100,00 | 500,00 | | | | |
| II | Các dự án khởi công mới và hoàn thành năm 2013 | | | 9.708,00 | | | 4.500,00 | 4.320,00 | 9.708,00 | 8.150,00 | 0,00 | 4.320,00 | 3.650,00 | 4.320,00 | | | | |
| 1 | Đập Học Lê + Mương | 2013 | Công trình cấp IV | 2.715,00 | | | 1.300,00 | 1.250,00 | 2.715,00 | 2.350,00 | | 1.250,00 | 1.050,00 | 1.250,00 | | | | |
| 2 | Đường Học Nhiều- Ruộng Gò | 2013 | Công trình cấp IV | 6.993,00 | | | 3.200,00 | 3.070,00 | 6.993,00 | 5.800,00 | | 3.070,00 | 2.600,00 | 3.070,00 | | | | |
| III | Các dự án khởi công mới năm 2013 và dự kiến hoàn thành năm 2014 | | | 62.173,00 | | | 15.730,00 | 18.864,00 | 35.285,00 | 29.034,00 | 15.440,00 | 18.864,00 | 13.304,00 | 18.864,00 | | | | |
| 1 | Trạm Y xã Tế Thanh An | 2013-2014 | Công trình cấp IV | 3.714,00 | | | 1.600,00 | 1.500,00 | 3.200,00 | 2.950,00 | 1.340,00 | 1.500,00 | 1.350,00 | 1.500,00 | | | 2014 | |
| 2 | Cầu Thanh Mầu | 2013-2014 | Công trình cấp IV | 6.721,00 | | | 2.430,00 | 2.300,00 | 5.321,00 | 4.480,00 | 2.300,00 | 2.300,00 | 2.050,00 | 2.300,00 | | | 2014 | |
| 3 | Trạm Y xã Tế Long Mai | 2013-2014 | Công trình cấp IV | 3.895,00 | | | 1.700,00 | 1.500,00 | 3.200,00 | 2.900,00 | 1.500,00 | 1.500,00 | 1.200,00 | 1.500,00 | | | 2014 | |
| 4 | Đường TT Y Tế Ngã ba Ông Tiến | 2013-2014 | Công trình cấp IV | 14.973,00 | | | 2.800,00 | 4.050,00 | 6.850,00 | 3.850,00 | 3.200,00 | 4.050,00 | 1.050,00 | 4.050,00 | | | 2014 | |
| 5 | Đường Nhà Ông Phu phong Văn hóa Thông Tin | 2013-2014 | Công trình cấp IV | 3.499,00 | | | 1.600,00 | 1.500,00 | 3.100,00 | 2.800,00 | 1.500,00 | 1.500,00 | 1.200,00 | 1.500,00 | | | 2014 | |
| 6 | Đường Suối Tia thôn ba (giai đoạn 2) | 2013-2014 | Công trình cấp IV | 14.425,00 | | | 2.800,00 | 4.000,00 | 6.800,00 | 5.800,00 | 2.500,00 | 4.000,00 | 3.000,00 | 4.000,00 | | | 2014 | |
| 7 | Cầu Tỉnh Đò | 2013-2014 | Công trình cấp IV | 14.946,00 | | | 2.800,00 | 4.014,00 | 6.814,00 | 6.254,00 | 3.100,00 | 4.014,00 | 3.454,00 | 4.014,00 | | | 2014 | |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

Nguồn vốn: Chương trình 135

(Mẫu kèm theo Báo cáo số 8/BC-UBND ngày 19/5/2014 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

| TT | TÊN DỰ ÁN | Năng lực thiết kế | Thời gian khởi công - hoàn hành | Quyết định đầu tư QĐ điều chỉnh | | Số QĐ, ngày, tháng, năm | Đã giải ngân từ KC đến hết năm 2013 | Kế hoạch năm 2014 | Lấy kế thực hiện từ khởi công đến 20/5/2014 | | Trong đó: Thực hiện từ đầu năm đến 20/5/2014 | | | Ước giải ngân vốn kế hoạch năm 2014 đến 30/6/2014 | Đề xuất điều chỉnh, bổ sung (tăng giảm so với kế hoạch đầu năm) | Dự kiến hoàn thành dự án | Ghi chú (nếu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án) |
|----|-----------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------------------|-------------------|---|------------------|--|----------------------------|-------------------|---|---|--------------------------|---|
| | | | | Tổng mức đầu tư | Tổng số NS tính và NSTW | | | | Lấy kế khối lượng thực hiện | Lấy kế giải ngân | Khối lượng thực hiện | Khối lượng đã đăng ký KBNN | Giá trị Giải ngân | | | | |
| | Các dự án khởi công mới năm 2014 | | | | | | | 6.000,00 | 2.163,00 | 2.163,00 | 6.000,00 | 2.163,00 | 6.000,00 | | | | |
| 1 | Đường Làng Ren | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 2.000,000 | 1.913,000 | 1.913,000 | 2.000,000 | 1.913,000 | 2.000,000 | | 2014 | | |
| 2 | Đường Long Mai-Long Hiệp-Thanh An | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 150,000 | 0,000 | 0,000 | 150,000 | 0,000 | 150,000 | | 2014 | | |
| 3 | Đường Long Mai-Long Sơn | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 100,000 | 0,000 | 0,000 | 100,000 | 0,000 | 100,000 | | 2014 | | |
| 4 | Đường Thanh An -Thác Trắng | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 100,000 | 0,000 | 0,000 | 100,000 | 0,000 | 100,000 | | 2014 | | |
| 5 | Đường Học Nhiều- Ruộng Gò | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 200,000 | 0,000 | 0,000 | 200,000 | 0,000 | 200,000 | | 2014 | | |
| 6 | Nước sinh hoạt Thác Trắng | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 200,000 | 0,000 | 0,000 | 200,000 | 0,000 | 200,000 | | 2014 | | |
| 7 | Đập dâng Học Cọp | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 800,000 | | | 800,000 | 0,000 | 800,000 | | | | |
| 8 | Đập dâng Cầu Trắng | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 250,000 | 250,000 | 250,000 | 250,000 | 250,000 | 250,000 | | | | |
| 9 | Đập dâng Hồ Tông | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 700,000 | | | 700,000 | 0,000 | 700,000 | | | | |
| 10 | Đập dâng Đồng Uông | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 700,000 | | | 700,000 | 0,000 | 700,000 | | | | |
| 11 | Đập dâng Nước Va | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 300,000 | | | 300,000 | 0,000 | 300,000 | | | | |
| 12 | Kênh thoát nước KDC Đồng Nguyễn | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 200,000 | 0,000 | 0,000 | 200,000 | 0,000 | 200,000 | | 2014 | | |
| 13 | Phân bổ cho 5 xã thực hiện | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 300,000 | 0,000 | 0,000 | 300,000 | 0,000 | 300,000 | | | | |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

Nguồn vốn: Chương trình 135

(Mẫu kèm theo Báo cáo số 8/BC-UBND ngày 19/5/2014 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

| TT | TÊN DỰ ÁN | Năng lực thiết kế | Thời gian khởi công - hoàn hành | Quyết định đầu tư QĐ điều chỉnh | | Đã giải ngân từ KC đến hết năm 2013 | Kế hoạch năm 2014 | Lấy kế thực hiện từ khởi công đến 20/5/2014 | | Trong đó: Thực hiện từ đầu năm đến 20/5/2014 | | | Ước giải ngân vốn kế hoạch năm 2014 đến 30/6/2014 | Đề xuất điều chỉnh, bổ sung (tăng giảm so với kế hoạch đầu năm) | Dự kiến thời gian hoàn thành dự án | Ghi chú (nếu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án) |
|----|--|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-------------------|---|------------------|--|----------------------------|-------------------|---|---|------------------------------------|---|
| | | | | Số QĐ, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | | | Lấy kế thực hiện | Lấy kế thực hiện | Khối lượng thực hiện | Khối lượng đã đăng ký KBNN | Giá trị Giải ngân | | | | |
| | | | | Trong đó: Vốn NS tỉnh và NSTW | | | | | | | | | | | | |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Các dự án khởi công mới năm 2014 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Thông tuyến đường từ cầu Suối Eo đến tập đoàn 13 | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 400,00 | 400,00 | 400,00 | 3.585,42 | 400,00 | 3.585,42 | | 2014 | |
| 2 | Thông tuyến đường Mã Thầy Mi-Ruộng Thủ | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 400,00 | 400,00 | 400,00 | 3.585,42 | 400,00 | 3.585,42 | | 2014 | |
| 3 | Nối dài kênh mương Hóc Nhiều | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 50,000 | 50,000 | 50,000 | 819,858 | 50,000 | 819,858 | | 2014 | |
| 4 | Đập nước Na và Kênh mương | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 50,000 | 50,000 | 50,000 | 683,215 | 50,000 | 683,215 | | 2014 | |
| 5 | Kênh mương đôi thôn Hà Liệt | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 50,000 | 50,000 | 50,000 | 651,682 | 50,000 | 651,682 | | 2014 | |
| 6 | Kênh Da phú thôn Dục Ái | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 50,000 | 50,000 | 50,000 | 630,660 | 50,000 | 630,660 | | 2014 | |
| 7 | Kênh đập Ông Nữ thôn Hà Bội xã Long Hiệp | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 50,000 | 50,000 | 50,000 | 200,000 | 50,000 | 200,000 | | 2014 | |
| 8 | Sửa chữa kênh mương bờ Hữu và đầu mối đập | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 50,000 | 50,000 | 50,000 | 200,000 | 50,000 | 200,000 | | 2014 | |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh

(Mẫu kèm theo Báo cáo số 8/PC-UBND ngày 19/5/2014 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

| TT | TÊN DỰ ÁN | Năng lực thiết kế | Thời gian khởi công - hoàn hành | Quyết định đầu tư/ QĐ điều chỉnh | | Số QĐ, ngày, tháng, năm | Tổng mức đầu tư | | Kế hoạch năm 2014 | Lấy kế thực hiện từ công đến 20/5/2014 | | Trong đó: Thực hiện từ đầu năm đến 20/5/2014 | | Ước giải ngân vốn kế hoạch năm 2014 đến 30/6/2014 | Đề xuất chỉnh, bổ sung (tăng giảm so với kế hoạch đầu năm) | Dự kiến thời gian hoàn thành dự án | Ghi chú (nếu những khó vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án) |
|----------|-----------------------------------|-------------------|---------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------|------------------|-------------------|--|----------------------------|--|----------|---|--|------------------------------------|---|
| | | | | Số QĐ, ngày, tháng, năm | Trong đó: Vốn NS tỉnh và NSTW | | Lấy kế thực hiện | Lấy kế giải ngân | | Khối lượng thực hiện | Khối lượng đã đăng ký KBNN | Giá trị Giải ngân | | | | | |
| | TỔNG CỘNG | | | | 6.362,00 | 0,00 | 3.000,00 | 20.700,00 | 8.662,00 | 5.200,00 | 3.500,00 | 15.700,00 | 2.200,00 | 8.700,00 | | | |
| I | Công trình chuyển tiếp | | | | 6.362,00 | | 3.000,00 | 700,00 | 6.362,00 | 3.700,00 | 1.200,00 | 700,00 | 700,00 | 700,00 | | | |
| | TT Bồi dưỡng chính trị huyện | Công trình cấp IV | 2013-2014 | | 6.362,00 | | 3.000,00 | 700,00 | 6.362,00 | 3.700,00 | 1.200,00 | 700,00 | 700,00 | 700,00 | | 2014 | |
| | CT khởi công mới | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 20.000,00 | 2.300,00 | 1.500,00 | 2.300,00 | 15.000,00 | 1.500,00 | 8.000,00 | | 2014 | |
| 1 | Kè chống sạt lở Lạc Sơn | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 5.000,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | | 2014 | |
| 2 | Khắc phục đường Long Môn-Làng Ren | Công trình cấp IV | 2014 | | | | | 15.000,00 | 2.300,00 | 1.500,00 | 2.300,00 | 15.000,00 | 1.500,00 | 8.000,00 | | 2014 | |